

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 77/2017/HN&GD- ST
Ngày 28 tháng 07 năm 2017
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

*** Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đinh Thị Kiều Lương**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Lê Hoàng Quy**.

2. Ông **Nguyễn Văn Ba**.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Đào Minh Hoàng** - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham
gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hồng Hà** – Kiểm sát viên.

-----o0o-----

Hôm nay, ngày 28 tháng 07 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 77/2017/TLST–HN&GD ngày 22 tháng 2 năm 2017 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 83/2017/QĐXXST-HN&GD ngày 07/7/2017 đối với các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **chị Nguyễn Thị Ngọc Tr**, sinh năm 1974.

- *Bị đơn:* **anh Hồ Đại H**, sinh năm 1975.

Cùng trú tại: F63, ấp 6, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(chị Tr có mặt, anh H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Ngọc Tr trình bày:**

- Về Quan hệ hôn nhân: chị và anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1992 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết. Quá trình chung sống không hạnh phúc luôn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình cả hai không phù hợp, quan điểm sống bất đồng, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, tình cảm hai vợ chồng đã không còn, hiện nay, cả hai đang sống ly thân. Xét thấy, tình cảm giữa chị và anh H không còn nên chị xin ly hôn với anh H để trả tự do cho nhau.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống cả hai sinh được 02 người con là cháu Hồ Thị Linh C, sinh năm 1992 và cháu Hồ Quang H, sinh năm 1996. Hiện nay cả hai cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*** Bị đơn – anh Hồ Đại H trình bày**

- Về quan hệ hôn nhân: Đúng như chị Tr trình bày, anh và chị Tr tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc và luôn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình quan điểm không phù hợp, bản thân anh thường xuyên đi làm ăn xa không quan tâm đến chị Tr. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh và chị Tr ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên chị Tr có đơn xin được ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị Tr để trả tự do cho nhau.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị sinh được 02 người con là cháu Hồ Thị Linh C, sinh năm 1992 và cháu Hồ Quang H, sinh năm 1996. Hiện nay cả hai cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

Về thủ tục tố tụng: anh Hồ Đại H là bị đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh H theo quy định pháp luật.

- Về quan hệ tình cảm: chị Nguyễn Thị Ngọc Tr và anh Hồ Đại H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống về quan điểm sống không phù hợp, luôn phát sinh mâu thuẫn từ đó cho đến nay. Do vậy, chị Tr đã làm đơn xin được ly hôn với anh H. Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ anh H cũng thừa nhận cuộc sống hôn nhân của hai anh chị luôn phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nay chị Tr xin ly hôn thì anh cũng đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị Tr.

Xét: Việc chị Tr và anh H chung sống với nhau một cách tự nguyện, có tổ chức đám cưới, nhưng trong quá trình chung sống cả hai không tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn đã vi phạm điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định. Tại Điều 9 quy định “Việc kết hôn phải được đăng ký”. Do đó, chị Tr và anh H chung sống với nhau một cách tự nguyện từ năm 1992 cho đến nay nhưng hôn nhân này không được pháp luật thừa nhận. Nay chị Tr làm đơn xin ly hôn, Tòa án

căn cứ vào các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc Tr và anh Hồ Đại H là vợ chồng.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị sinh được 02 người con là cháu Hồ Thị Linh C, sinh năm 1992 và cháu Hồ Quang H, sinh năm 1996. Hiện nay cả hai cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Tr tự nguyện nộp 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Anh H không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:**

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử và giải quyết vụ án đúng thời hạn theo luật định.

- Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán chủ tọa điều hành phiên tòa đúng quy định, đảm bảo sự vô tư, khách quan trong việc giải quyết vụ án.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Các đương sự được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định.

- Về nội dung: Hội đồng xét xử đánh giá toàn diện, khách quan các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định đúng tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp của vụ án. Đồng thời căn cứ vào quá trình thẩm vấn tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ, cả anh H và chị Tr đều thừa nhận, trong quá trình chung sống từ 1992 đến nay anh chị không tiến hành đăng ký kết hôn, cuộc sống luôn phát sinh mâu thuẫn, cả hai đã sống ly thân nhiều năm. Xét thấy, tình cảm giữa anh H và chị Tr không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr đối với anh H và tuyên bố anh H và chị Tr không phải là vợ chồng.

Về con chung: cả hai cháu đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: đồng ý cho chị Tr tự nguyện nộp 300.000đ được trừ vào số tiền đã nộp tại Thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 28, 203 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.
- Áp dụng các Điều 9,14, 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc Tr và anh Hồ Đại H là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: chị Tr và anh H có 02 người con là cháu Hồ Thị Linh C, sinh năm 1992 và cháu Hồ Quang H, sinh năm 1996. Hiện nay cả hai cháu đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Tòa không giải quyết.

- Về án phí HNGĐ-ST Chị Tr tự nguyện nộp 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. (Biên lai thu số 006008/T.H.A ngày 20/02/2017).

Anh H không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo theo quy định của pháp luật. Riêng anh H được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKS ND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKS ND huyện Long Thành (1);
- THA dân sự huyện Long Thành (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (4).

Đinh Thị Kiều Lương

